TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2021/QĐST-DS	*Bắc Kạn, ngày 27 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn và Ủy ban nhân dân xã C, huyện N vắng mặt tại phiên hòa giải tuy nhiên: Ủy ban nhân dân huyện N đã có văn bản số 112/UBND-TNMT ngày 19/01/2021, Ủy ban nhân dân xã C đã có văn bản số 09/CV-UBND ngày 21/01/2021 đều nhất trí với những nội dung các đương sự đã thỏa thuận theo biên bản hòa giải thành ngày 06/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Tô Văn N

* Bị đơn: Ông Hoàng Đức L

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Triệu Thị N

- Bà Đàm Thị L.

- Ông Tô Văn C.

- Bà Vi Thị T

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T1 – Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Ngọc T2 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn ông Tô Văn N được quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 4.514,9m^2 được giới hạn bởi các mốc 6-7-16-15-14-6. Phần đất tranh chấp trên nằm trong thửa đất số 641 đã được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS056247 ngày 13/7/2016 cho ông Hoàng Đức L, bà Đàm Thị L. Địa chỉ thửa đất: P, thuộc thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2.2. Bị đơn ông Hoàng Đức L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị L được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp 32.699,5m^2 được giới hạn bởi các mốc 7-8-9-20-11-12-13-14-15-16-7. Địa chỉ thửa đất: Phia Lài, thuộc thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Trong đó bao gồm:

- Phần đất tranh chấp có diện tích 14.040,4m^2 được giới hạn bởi các mốc 20-11-12-13-20 nằm trong thửa đất số 608 đứng tên Ủy ban nhân dân xã C quản lý.

- Phần đất tranh chấp có diện tích 18.659,1m^2 được giới hạn bởi các mốc 7-8-9-20-13-14-15-16-7 nằm trong thửa đất số 641 đã được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS056247 ngày 13/7/2016 cho ông Hoàng Đức L, bà Đàm Thị L

(Các thửa đất được xác định theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn có sơ đồ thửa đất và tọa độ các mốc giới kèm theo quyết định này)

2.3. Nguyên đơn không đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS056247 ngày 13/7/2016 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn cấp cho ông Hoàng Đức L, bà Đàm Thị L đối với thửa đất số 641.

2.4. Nguyên đơn không đề nghị hủy quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 về việc giải quyết tranh chấp đất lâm nghiệp của Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

2.5. Ủy ban nhân dân huyện N điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS056247 ngày 13/7/2016 cấp cho ông Hoàng Đức L, bà Đàm Thị L theo như thỏa thuận giữa các đương sự.

2.6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*):

- Nguyên đơn tự nguyện chịu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ.

- Bị đơn tự nguyện chịu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do đó bị đơn ông Hoàng Đức L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Tô Văn N số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Việc thi hành án dân sự đối với số tiền chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.7. Về án phí: Nguyên đơn ông Tô Văn N tự nguyên chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*). Ông N phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 06699 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Ông Tô Văn N được trả lại 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đàm Thị Minh Hường